ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 30/2026/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 19 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn làm căn cứ thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2025 - 2026 đến năm học 2030 - 2031;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định quy định địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn làm căn cứ xác định đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn; danh mục thôn, bản, khu phố nơi thường trú của học sinh, học viên mà khi đi học phải qua địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, làm căn cứ xác định điều kiện được hỗ trợ ăn, ở tại trường để học tập trong tuần hoặc đưa đón đến trường và trở về nhà hằng ngày, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Học sinh, học viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND.

2. Cơ sở giáo dục quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND.

Điều 3. Quy định địa bàn và danh mục thôn, bản, khu phố

1. Địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND là khu vực có biển, hồ, sông, suối, đèo dốc, núi cao, sạt lở đất, đá trên tuyến đường mà học sinh, học viên phải đi qua từ nơi thường trú đến nơi học tập.

2. Danh mục thôn, bản, khu phố nơi thường trú của học sinh, học viên, mà khi đi học phải qua địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn quy định tại khoản 1 Điều này và có khoảng cách đến nơi học tập nhỏ hơn khoảng cách quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND, được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2026.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan, hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này; tổ chức, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND đảm bảo việc thực hiện chính sách đúng đối tượng, đúng điều kiện, đúng chế độ, đúng mục đích và đúng quy định pháp luật.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 4;
- Bộ GDĐT (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh;
- V0, V1-4; VX1;
- Lưu VT, GD. 008.7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hạnh

Phụ lục

DANH MỤC THÔN, BẢN, KHU PHỐ NƠI THƯỜNG TRÚ CỦA HỌC SINH, HỌC VIÊN KHI ĐI HỌC PHẢI QUA ĐỊA BÀN CÓ ĐỊA HÌNH CÁCH TRỞ, GIAO THÔNG ĐI LẠI KHÓ KHĂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh)

TT	Xã/phường/đặc khu, thôn/bản/khu phố *(nơi thường trú)*	Đặc điểm *(của đường từ nơi thường trú đến nơi học tập)*
I	**Xã Quảng La**	
1	Thôn Đồng Mùng	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi dốc có nguy cơ sạt lở mùa mưa
2	Thôn Bằng Anh	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi dốc có nguy cơ sạt lở mùa mưa
3	Thôn Khe Đồng	Đồi dốc có nguy cơ sạt lở mùa mưa
4	Thôn Khe Cát	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi dốc có nguy cơ sạt lở mùa mưa
II	**Xã Thống Nhất**	
1	Thôn Đồng Trà	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
2	Thôn Đồng Quặng	Qua suối, ngập lụt mùa mưa lũ
III	**Xã Tiên Yên**	
1	Thôn Nà Cà	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
2	Thôn Hua Cầu	Đồi dốc có nguy cơ sạt lở mùa mưa lũ
IV	**Xã Lương Minh**	
1	Thôn Tân Ốc 1	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá vào mùa mưa
2	Thôn Tân Ốc 2	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá vào mùa mưa
3	Thôn Khe Càn	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá vào mùa mưa
4	Thôn Phủ Liễn	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá vào mùa mưa
5	Thôn Đồng Doong	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá vào mùa mưa
6	Thôn Khe Áng	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá vào mùa mưa

TT	Xã/phường/đặc khu, thôn/bản/khu phố *(nơi thường trú)*	Đặc điểm *(của đường từ nơi thường trú đến nơi học tập)*
7	Thôn Đồng Tán	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá vào mùa mưa
8	Thôn Đồng Quánh	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá vào mùa mưa
V	**Xã Đông Ngũ**	
1	Thôn Kéo Kai	Đồi dốc có nguy cơ sạt lở đất, đá
VI	**Xã Kỳ Thượng**	
1	Thôn Đồng Loóng	Đồi dốc có nguy cơ sạt lở đất, đá
2	Thôn Làng Lốc	Đồi dốc có nguy cơ sạt lở đất, đá
3	Thôn Khe Ốn	Đồi dốc có nguy cơ sạt lở đất, đá
4	Thôn Bắc Cáp	Qua suối, ngập lụt mùa mưa lũ
5	Thôn Khe Tre	Đồi dốc có nguy cơ sạt lở đất, đá
6	Thôn Khe Phương	Qua đường có nguy cơ sạt lở đất, đá
7	Thôn Khe Lương	Qua đường có nguy cơ sạt lở đất, đá
VII	**Xã Ba Chẽ**	
1	Thôn Khe Lọng Trong	Đồi dốc có nguy cơ sạt lở đất, đá
2	Thôn Thành Công	Đồi dốc có nguy cơ sạt lở đất, đá
3	Thôn Cái Gian	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá vào mùa mưa
4	Thôn Nam Hả Trong	Qua suối, ngập lụt mùa mưa lũ
5	Thôn Khe Hố	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá mùa mưa lũ
6	Thôn Tầu Tiên	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
7	Thôn Pắc Cáy	Qua suối, ngập lụt mùa mưa lũ
8	Thôn Lang Cang	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
9	Thôn Khe Mằn	Qua suối, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
10	Thôn Làng Cổng	Qua suối, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
11	Thôn Khe Mười	Đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá

TT	Xã/phường/đặc khu, thôn/bản/khu phố *(nơi thường trú)*	Đặc điểm *(của đường từ nơi thường trú đến nơi học tập)*
VIII	**Xã Quảng Tân**	
1	Thôn Mào Sán Cáu	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
2	Thôn Tầm Làng	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
3	Thôn Nà Pá	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
4	Thôn Tán Trúc Tùng	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
5	Thôn Làng Ngang	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đèo dốc có nguy cơ sạt lở đất, đá
6	Thôn Nà Cáng	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đèo dốc có nguy cơ sạt lở đất, đá
7	Thôn Nà Thổng	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đèo dốc có nguy cơ sạt lở đất, đá
8	Thôn An Sơn	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
9	Bản Tài Lý Sáy	Đồi dốc cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
10	Bản Siềng Lống	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi dốc cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
11	Bản Thanh Bình	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi dốc cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
12	Bản Siệc Lống Mìn	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
13	Bản Lý Khoái	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
IX	**Xã Đường Hoa**	
1	Thôn Pạc Sủi	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
2	Thôn Lý Quáng	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
3	Thôn Mố Kiệc	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
4	Thôn Quảng Sơn 4	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
X	**Xã Quảng Đức**	
1	Bản Nà Lý	Qua suối, ngập lụt mùa mưa lũ
2	Bản Pạc Này	Qua suối, ngập lụt mùa mưa lũ
XI	**Xã Điền Xá**	
1	Thôn Hà Lâm	Qua suối có đập tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi dốc cao có nguy cơ sạt lở đất, đá

TT	Xã/phường/đặc khu, thôn/bản/khu phố *(nơi thường trú)*	Đặc điểm *(của đường từ nơi thường trú đến nơi học tập)*
2	Thôn Thống Nhất	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
3	Thôn Đoàn Kết	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
XII	**Xã Hoành Mô**	
1	Thôn Pắc Cương	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
2	Thôn Cầm Hắc	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ
3	Thôn Sông Mooc	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
4	Thôn Khe Mọi	Qua đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
5	Thôn Phai Làu	Qua đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
XIII	**Xã Lục Hồn**	
1	Thôn Cao Thắng	Qua đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
2	Thôn Khe O	Qua đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
3	Thôn Ngàn Mèo Trên	Qua đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
4	Thôn Ngàn Mèo Dưới	Qua đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
5	Thôn Phiêng Sáp	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
6	Thôn Kéo Chản	Qua đồi núi cao có nguy cơ sạt lở đất, đá
XIV	**Xã Bình Liêu**	
1	Thôn Nà Nhái	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá
2	Thôn Lục Ngù	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá
3	Thôn Nà Luông	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá
4	Thôn Bản Làng	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá
5	Thôn Cầu Sắt	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá
6	Thôn Sú Cáu	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá
7	Thôn Pò Đán	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá

TT	Xã/phường/đặc khu, thôn/bản/khu phố *(nơi thường trú)*	Đặc điểm *(của đường từ nơi thường trú đến nơi học tập)*
8	Thôn Pắc Liềng	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá
9	Thôn Nà Mo	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá
10	Thôn Khe Vằn	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá
11	Thôn Ngàn Chi	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá
12	Thôn Khe Lạc	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá
13	Thôn Khe Và	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá
14	Thôn Khe Bốc	Qua đường có nguy cơ sạt lở đất, đá
15	Thôn Mạ Chạt	Qua đường có nguy cơ sạt lở đất, đá
16	Thôn Khủi Luông	Qua đường có nguy cơ sạt lở đất, đá
17	Thôn Khe Mó	Qua suối, đèo dốc cao, nguy cơ sạt lở đất, đá
18	Thôn Thông Châu	Qua suối, đèo dốc cao, nguy cơ sạt lở đất, đá
XV	**Phường Hoành Bồ**	
1	Khu phố Đèo Đọc	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; có nguy cơ sạt lở đất, đá vào mùa mưa lũ
2	Khu phố Cài	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; có nguy cơ sạt lở đất, đá vào mùa mưa lũ
3	Khu phố Khe Lèn	Qua suối có ngầm tràn, ngập lụt mùa mưa lũ; có nguy cơ sạt lở đất, đá vào mùa mưa lũ
XVI	**Phường Bình Khê**	
1	Khu Trung Lương	Qua suối, ngập lụt mùa mưa lũ
XVII	**Đặc khu Vân Đồn**	
1	Thôn Cống Đông	Qua biển
2	Thôn Tân Lập	Qua biển, qua vùng sạt lở đất, đá
XVIII	**Xã Hải Ninh**	
1	Thôn Quảng Nghĩa 5	Qua suối, có nguy cơ bị sạt lở đất, đá

TT	Xã/phường/đặc khu, thôn/bản/khu phố *(nơi thường trú)*	Đặc điểm *(của đường từ nơi thường trú đến nơi học tập)*
XIX	**Phường Mông Dương**	
1	Khu phố 10	Qua đường có nguy cơ sạt lở đất, đá
2	Thôn Khe Sím	Qua sông suối, ngập lụt mùa mưa lũ; nguy cơ sạt lở đất, đá vào mùa mưa lũ
XX	**Xã Hải Hòa**	
1	Thôn 3	Qua đồi dốc có nguy cơ sạt lở đất, đá
XXI	**Đặc khu Cô Tô**	
1	Thôn 1	Qua biển
2	Thôn 2	Qua biển
3	Thôn 3	Qua biển